

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

Bản án số: **135/2019/HSST** **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Ngày 25/6/2019

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Lan; ông Nguyễn Minh Tú;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụ, Thẩm tra viên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 149/2019/HSST, ngày 10/6/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Đức D**, sinh năm 1988; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh T; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Trịnh Trần Đ, sinh năm 1962; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con bà: Trần Thị T, sinh năm 1963; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Vợ: Đỗ Thị M (Đã ly hôn); Có 01 con, sinh năm 2011;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 13/2019/HS-ST ngày 28/02/2019, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức xử phạt Trần Đức D 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Bị cáo hiện đang tạm giam tại trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội từ ngày 04/12/2018 theo Quyết định thi hành án phạt tù số 21/2019/QĐ-CA ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa;

Người bị hại: Anh Trần Tiến H, sinh năm 1993; ĐKNKTT: Đội 15, xã H, huyện G, tỉnh N; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đức D và vợ chồng anh Trần Tiến H, chị Đào Thị Th quen biết nhau từ tháng 4/2018 do cùng thuê trọ tại nhà số 100 đường Điện Cơ, Tổ 5, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Biết vợ chồng anh H, chị Th

có nhu cầu xin việc làm cho anh H, D nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh H, chị Th để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Từ mục đích trên, D đã nói với vợ chồng anh H là có chú tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; Trú tại: Số 108, Tổ 7, đường An Đào, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, Hà Nội, làm tại kho sân bay Nội Bài có thể xin cho anh H vào làm việc tại Kho hàng không ALSW tại khu vực sân bay Nội Bài với mức lương 10 đến 12 triệu đồng/tháng, có xe công ty đưa đón, thưởng tết cao nếu anh H có bằng cấp ba và chứng chỉ tiếng Anh. Do tin tưởng D nên từ khoảng tháng 5/2018, anh H đã đưa cho D 01 bộ hồ sơ xin việc và số tiền 22.300.000 đồng để đặt cọc và 4.500.000 đồng để làm bằng cấp ba, do anh H không có bằng cấp ba. Đến khoảng đầu tháng 8/2018, D yêu cầu anh H đưa cho D 52.000.000 đồng để làm giấy tờ đi làm và học tiếng Anh. Sau đó, D tiếp tục yêu cầu anh H đưa thêm tiền với các lý do khác nhau và hẹn đến ngày 20/11/2018 sẽ có quyết định đi làm. Cụ thể: Lần thứ 3 vào khoảng đầu tháng 9/2018, D yêu cầu anh H đóng 9.000.000 đồng; Lần thứ 4 và lần thứ 5, anh H đưa tiền cho D sau đó cả hai cùng đến cửa hàng vàng Chiến Minh; Địa chỉ: Số 119, đường Cầu Giấy, Hà Nội, để đổi 500 đô la Mỹ và 750 đô la Mỹ đưa cho D; Lần thứ 6, anh H đưa cho D 4.500.000 đồng. Tổng số tiền anh H đã đưa cho D là 126.000.000 đồng. Tất cả những lần anh H đưa tiền cho D đều diễn ra tại phòng trọ của anh H ở số nhà 100 đường Điện Cơ, Tổ 5, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội, các bên không viết giấy tờ gì và có chị Th (vợ anh H) chứng kiến. Sau khi lấy được tiền của vợ chồng anh H, D đã chi tiêu cá nhân hết, hồ sơ xin việc của anh H, D để ở phòng trọ không nộp vào cơ quan, tổ chức nào đến nay đã bị thất lạc.

Tại cơ quan điều tra, Trần Đức D khai nhận hành vi như nêu trên và khai: Do trước đó đã làm bảo vệ ở khu vực sân bay Nội Bài nên D biết thông tin về kho hàng không của sân bay chứ thực tế D cũng không biết kho ALSW tuyển người hay không. Đối với người có tên Tuấn và địa chỉ số 108, Tổ 7, đường An Đào, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, Hà Nội do D tự nghĩ ra vì trước đó, D đã có thời gian thuê nhà khoảng hơn 1 năm ở Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội. Đối với thông tin làm bằng cấp ba và chứng chỉ tiếng Anh, vì biết anh H không có bằng phổ thông trung học và chứng chỉ tiếng Anh nào nên D đưa ra thông tin trên để anh H đưa thêm tiền cho D, khi nhận được tiền của anh Hào, D đã tiêu xài hết mà không làm bất cứ bằng cấp, chứng chỉ nào cả.

Xác minh tại Công an thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, Hà Nội xác định: ở số 108, tổ 7, đường An Đào, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, Hà Nội: Không có người nào tên Nguyễn Văn T.

Xác minh tại Công ty TNHH dịch vụ kho vận ALS (ALSW) xác định: Từ trước đến nay công ty không có ai tên là Trần Đức D, sinh năm 1989; HKTT: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh T, làm việc tại Công ty. Công ty cũng chưa nhận hồ sơ nào mang tên Trần Tiến H, tất cả các trường hợp tuyển nhân sự công ty

đều đăng tuyển trực tiếp, qua phỏng vấn và không qua bất cứ cá nhân, tổ chức trung gian nào.

Xác minh tại khi cảng hàng không nội địa ALSW được anh Phạm Bá Sâm (tổ trưởng tổ an ninh khi ALSW) cung cấp: Tại kho cảng hàng không nội địa ALSW không có ai tên là Trần Đức D, sinh năm 1989; HKTT: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh T, đã từng làm việc tại đây.

Cũng trong khoảng thời gian tháng 4, tháng 5/2018, bằng thủ đoạn như trên, Trần Đức D đã lừa đảo chiếm đoạt 45.000.000 đồng của 09 bị hại tại xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội. Ngày 21/9/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Đức D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Ngày 28/02/2019, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử tuyên phạt Trần Đức D 15 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Tiến H yêu cầu bồi thường số tiền 126.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội với nội dung trên.

Tại Cáo trạng số 124/CT-VKS, ngày 30/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã truy tố Trần Đức D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 174; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Đức D mức án từ 36 đến 42 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo và Kiểm sát viên không có ý kiến gì về Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm truy tố bị cáo Trần Đức D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” cũng như phần luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Bị cáo Trần Đức D nhất trí với yêu cầu bồi thường của người bị hại, trong lời nói sau cùng bị cáo nhận tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về xã hội để giúp đỡ gia đình và trở thành công dân tốt. Người bị hại đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật và đề nghị bị cáo có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc 126.000.000 đồng đã chiếm đoạt của anh, không yêu cầu tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 11/2018, mặc dù không có khả năng, quan hệ để có thể xin vào làm bảo vệ tại Kho hàng không ALSW tại

khu vực sân bay Nội Bài nhưng bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để đưa ra thông tin giả làm anh Trần Tiến H tin tưởng đưa cho D số tiền 126.000.000 đồng, mục đích để chiếm đoạt số tiền trên.

Hành vi nêu trên của Trần Đức D đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Với giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 126.000.000 đồng bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Điều 174 Bộ luật hình sự luật quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”.

Như vậy việc Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm truy tố bị cáo Trần Đức D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội, cần được xét xử nghiêm minh theo quy định. Xét tính chất hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Xét ngày 28/02/2019, bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức xử phạt 15 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại bản án số 13/2019/HSST. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bản án trên xảy ra cùng thời điểm với hành vi phạm tội của bản án mà HĐXX đang xem xét nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nhưng cần phải tổng hợp hình phạt của bản án số 13/2019/HSST ngày 28/02/2019 với hình phạt của bản án này để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Hội đồng xét xử, xét bị cáo không có công ăn việc làm, không có thu nhập nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra đã xác định bị cáo chiếm đoạt của anh Trần Tiến H 126.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh H đề nghị bị cáo phải trả cho anh số tiền trên. Bị cáo đồng ý, hứa sẽ có trách nhiệm trả cho người bị hại khi có tiền. Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự, thấy bị cáo là người có năng lực hành vi dân sự, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác nên cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại số tiền 126.000.000 đồng. Về tiền lãi phát sinh do người bị hại không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Công an không thu giữ gì của bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Trần Đức D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 174; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Đức D 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt **15 (Mười lăm) tháng tù** của bản án số Bản án số 13/2019/HS-ST ngày 28/02/2019, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là **51 (Năm mươi một) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 04/12/2018.

2. Về dân sự:

Áp dụng Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Tiến H số tiền **126.000.000đ** (*Một trăm hai mươi sáu triệu đồng*);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành có đơn xin thi hành án, người phải thi hành án không nộp số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới

hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Không.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu **200.000đ** (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và **6.300.000đ** (*Sáu triệu ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Bắc Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an quận Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THADS quận Bắc Từ Liêm;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp Hà Nội;
- Bị cáo;
- Lưu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Sơn Hà

